

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 143/2024/HS-ST
Ngày 26/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hải Dương và ông Ngô Đức Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2024, tại Hội trường thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 130/2024/TLST-HS ngày 25/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXXST-HS ngày 12/11/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1995; Tên gọi khác: Không; N sinh: huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nơi đăng ký HKTT, chỗ ở: Đ, thôn N, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1971 và bà Bá Thị T, sinh năm 1974; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con lớn; Vợ là: Hoàng Thu T1, sinh năm 1997 (đã ly hôn năm 2018); Có 01 người con, sinh năm 2016; Tiền án: Ngày 10/6/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, xử phạt 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2024; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 06/9/2024 và tạm giam ngày 09/9/2024; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên. *Có mặt*

Những người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Hồng G, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

2. Anh Lê Ngọc T2, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu A, Tập thể Z, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 21 giờ 50 phút ngày 05/9/2024, tại tầng B, Tòa nhà W, khu đô thị E, xã P, huyện V; Công an xã T phối hợp với Công an xã P tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1995, có hộ khẩu thường trú: thôn N, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra trên người Q phát hiện thu giữ tại túi quần đùi bên phải mà Q đang mặc là 03 túi nilon màu trắng, có khóa zip, viền màu đỏ, đều có kích thước (2,5 x 03)cm, bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng (*ngghi là ma túy*) và 01 túi nilon màu trắng, có khóa zip, viền màu xanh, kích thước (04 x 04)cm, bên trong chứa 02 viên nén màu hồng hình hoa năm cánh (*ngghi là ma túy*), được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu M1. Thu trên tay phải của Q 01 chiếc điện thoại di động, kiểu dáng Iphone 14 Pro Max, màu trắng, niêm phong ký hiệu Q. Ngày 06/9/2024, Công an xã T đã bàn giao hồ sơ vụ việc, đồ vật đã thu giữ và Nguyễn Xuân Q đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Cùng ngày 06/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Xuân Q, tại Đội 10 thôn N, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên; đưa Q đến Trung tâm y tế huyện V để xét nghiệm chất ma túy có trong cơ thể và Quyết định trưng cầu giám định đối với chất ma túy đã thu giữ của Q. Kết quả khám xét chỗ ở của Q không phát hiện thu giữ tài liệu, đồ vật gì có liên quan; Kết quả xét nghiệm ngày 06/9/2024 của Trung tâm y tế huyện V xác định Q dương tính với (MET); Tại Bản kết luận giám định số: 590/KL-KTHS(MT) ngày 09/9/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H xác định: Chất dạng tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong ghi ký hiệu M1 (được cơ quan giám định ghi ký hiệu M1-1), có tổng khối lượng là 2,410g ma túy loại Ketamine; Chất dạng viên nén màu hồng hình hoa năm cánh trong niêm phong ghi ký hiệu M1 (được cơ quan giám định ghi ký hiệu M1-2), có tổng khối lượng là 0,717g ma túy loại MDMA. Quá trình điều tra, Nguyễn Xuân Q khai nhận: Q đã có 01 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 11/5/2024 Q chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, chưa có việc làm ổn định, thường xuyên sử dụng ma túy loại Ketamine và MDMA. Đêm ngày 01/9/2024, Q đi đến chơi ở quán Bar ở Hà Nội (nhưng không nhớ tên và địa chỉ). Tại đây, Q được một số người cũng đến chơi ở quán Bar (không rõ nhân thân, lai lịch) giới thiệu: ở bên ngoài cửa quán Bar có người đàn ông bán ma túy. Q đi ra cửa quán Bar thì thấy 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đang đứng. Q hỏi mua của người này 2.000.000 đồng tiền ma túy dạng “Ke” (tức là Ketamine) và “Kẹo”, thì người này đồng ý. Người này bảo Q: “khoảng 05 phút nữa ra gốc cây P cách cửa quán khoảng 10m để lấy ma túy”. Q đưa tiền cho người này rồi đi vào trong quán chơi, khoảng 05 phút sau thì Q đi bộ ra vị trí như đã hẹn, lấy ở gốc cây P 01 túi nilon màu trắng có khoá bóp. Q

kiểm tra thấy bên trong túi nilon có 03 túi nilon nhỏ chứa ma túy dạng “Ke” và 01 túi nilon chứa 02 viên ma túy dạng “Kẹo”. Q mở 01 túi nilon và lấy một phần nhỏ ma túy dạng “Ke” ra để sử dụng, sau đó lại cất vào như cũ. Q cất số ma túy còn lại gồm: 03 túi nilon nhỏ chứa ma túy dạng “Ke” và 01 túi nilon chứa 02 viên ma túy dạng “Kẹo” vào trong người để khi có nhu cầu thì sẽ sử dụng, rồi Q đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05/9/2024, khi Q đang ở nhà thì có người tên là Q1 (không rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại rủ Q đến căn hộ S tòa nhà W, khu đô thị E, huyện V rồi đi uống nước, thì Q đồng ý. Q cho 03 túi nilon có chứa ma túy dạng “Ke” và 01 túi nilon có chứa 2 viên nén màu hồng hình hoa 05 cánh là ma túy dạng “Kẹo” cất vào túi quần đùi phía trước bên phải, với mục đích đến khi nào cần thì sẽ một mình sử dụng. Khi Q đang đi ở hành lang tầng 23 tòa nhà WestBay D để tìm gặp Q1 thì bị lực lượng Công an kiểm tra, thu giữ ma túy như nêu ở trên.

Quá trình điều tra xác định: Chiếu điện thoại của Q đã được kiểm tra nhưng không có nội dung gì liên quan đến hành vi phạm tội. Còn người đàn ông đã bán trái phép chất ma túy cho Q và những người giới thiệu cho Q đi mua ma túy, do không xác định được nhân thân, lai lịch, nên không có căn cứ để Cơ quan điều tra xác minh, xử lý. Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tiến hành kiểm tra căn hộ S tầng B Tòa nhà W và xác minh với Ban Q3 thì xác định: căn hộ nói trên không có người ở, không cho ai thuê.

Vật chứng, đồ vật đã thu giữ chưa xử lý gồm: 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định số 590/KL-KTHS(MT) ngày 09/9/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H bên trong có 2,356 g ma túy loại Ketamine được ghi ký hiệu M1-1, trong niêm phong ký hiệu M1 và 0,696g ma túy loại MDMA được ghi ký hiệu M1-2, 04 vỏ túi nilon đựng ma túy và 01 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định; 01 điện thoại đi động, kiểu dáng Iphone 14 Pro Max, màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu Q.

Bản cáo trạng số: 138/CT-VKSVG ngày 25/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Q về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai báo, diễn biến động cơ, mục đích và hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Q phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2024. Về xử

lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định số 590/KL-KTHS(MT) ngày 09/9/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H, bên trong có 2,356g ma túy, loại Ketamine được ghi ký hiệu M1-1, trong niêm phong ký hiệu M1 và 0,696g ma túy, loại MDMA được ghi ký hiệu M1-2, 04 vỏ túi nilon đựng ma túy và 01 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định; Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động, kiểu dáng Iphone 14 Pro Max, màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu Q. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa: Vắng mặt người làm chứng. Qua xem xét sự vắng mặt của họ, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ nên xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; Bản ảnh vật chứng; Kết luận giám định; bản tường trình và lời khai của bị cáo và của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 05/9/2024, tại khu vực hành lang tầng 23, Tòa nhà W, khu đô thị E, thuộc địa phận xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Công an xã T phối hợp với Công an xã P, huyện V, bắt quả tang Nguyễn Xuân Q đang có hành vi cất giấu trái phép trong người 0,717g ma túy, loại MDMA và 2,410g ma túy, loại Ketamine. Mục đích Q cất giấu số ma túy trên là để sử dụng.

Với hành vi nêu trên của Nguyễn Xuân Q đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố Nguyễn Xuân Q theo tội danh và điều luật thể hiện trong Cáo trạng số 138/CT-VKS VG ngày 25/10/2024 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, bị cáo hiểu được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, hiểu được tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm nhức nhối của toàn xã hội nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng nên bị cáo phải chịu mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy, đã bị kết án về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 10/6/2020, Q bị Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên, xử phạt 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2024, đến nay chưa được xoá án tích, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (Tái phạm) theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã phân tích ở trên thấy cần thiết phải cho cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm, kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng được xử lý như sau:

- 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định số 590/KL-KTHS(MT) ngày 09/9/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H, bên trong có 2,356g ma túy, loại Ketamine được ghi ký hiệu M1-1, trong niêm phong ký hiệu M1 và 0,696g ma túy, loại MDMA được ghi ký hiệu M1-2, 04 vỏ túi nilon đựng ma túy và 01 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động, kiểu dáng Iphone 14 Pro Max, màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu Q là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo và xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Nguyễn Xuân Q phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt: Nguyễn Xuân Q 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2024.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định số 590/KL-KTHS(MT) ngày 09/9/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H, bên trong có 2,356g ma túy, loại Ketamine được ghi ký hiệu M1-1, trong niêm phong ký hiệu M1 và 0,696g ma túy, loại MDMA được ghi ký hiệu M1-2, 04 vỏ túi nilon đựng ma túy và 01 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân Q, 01 chiếc điện thoại di động, kiểu dáng Iphone 14 Pro Max, màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu Q2

(Tình trạng, số lượng, chủng loại, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên)

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/11/2024).

Nơi nhận:

- VKS, CA, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKS, Công an huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Huấn